

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT

Số: 51/XSKT
V/v Báo cáo giám sát
Tài chính năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tình hình tài chính năm 2021 theo một số nội dung sau:

a) Thuận lợi:

Hoạt động Xổ số tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự quan tâm của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Hội đồng XSKT miền Bắc; sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh.

b) Khó khăn:

Tình hình dịch Covid-19 trên cả nước và trên địa bàn tỉnh ta vẫn đang diễn biến phức tạp khó lường: Trong năm 2021 các ca lây nhiễm ở địa phương liên tục tăng, cả nước gồng mình chống dịch, việc thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch (phong tỏa, cách ly...) ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân thu nhập giảm sút do không đi làm dẫn đến nhu cầu vui chơi giải trí giảm mạnh (tập trung vào các nhu cầu thiết yếu). Khó khăn lớn nhất là việc sụt giảm doanh thu trong khi đó doanh nghiệp vẫn phải gánh các chi phí và một số các chi phí gia tăng khi thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm thông qua việc ủng hộ chống dịch cho địa phương và phòng chống dịch tại doanh nghiệp, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà Nước từ hoạt động xổ số từ đó cùng giảm sút theo.

Sự cạnh tranh bất hợp pháp ngày càng tinh vi của tệ nạn số lô số đề với cách thức tham gia (không cần ghi, mua vé, không cần trả tiền ngay và có thể ghi nợ nhiều lần), linh hoạt về cơ chế (hoa hồng, trả thưởng cao do trốn thuế), các website về cá độ bóng đá, số đề và các trò chơi trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội... là một thách thức không hề nhỏ diễn ra hàng ngày, hàng giờ song hành với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlot) đã phát hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũng đã thu hút một bộ phận người tham gia dẫn đến thị phần trong lĩnh vực kinh doanh xổ số bị chia sẻ.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Doanh thu sau thuế: Kế hoạch UBND tỉnh giao 76.818 triệu đồng, Công ty thực hiện được 72.339,7 triệu đồng đạt 94,17% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu:

+ Lợi nhuận sau thuế: Kế hoạch UBND tỉnh giao 1.656 triệu đồng, Công ty thực hiện được 1.659,9 triệu đồng đạt trên 100% so với kế hoạch.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu công ty xây dựng kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt:

$$\frac{1.656 \text{ tr.đ}}{11.551 \text{ tr.đ}} = 14,33 \%$$

Chi tiêu khi xây dựng được xác định là Lợi nhuận sau thuế/(Vốn chủ sở hữu + Quỹ đầu tư phát triển) theo cách tính này thì Tỷ suất lợi nhuận sau thuế Công ty thực hiện năm 2021: (đạt 100,3% so với kế hoạch)

$$\frac{1.659,9 \text{ tr.đ}}{11.551 \text{ tr.đ}} = 14,37 \%$$

Công ty thực hiện năm 2021: (đạt 97,6% so với kế hoạch)

$$\frac{1.659,9 \text{ tr.đ}}{11.868,8 \text{ tr.đ}} = 13,99 \%$$

Lý do: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch do công ty đang thực hiện Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt vốn điều lệ và bổ sung vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang (Bổ sung đủ vốn điều lệ từ 9 tỷ đồng lên 12 tỷ đồng). Năm 2021, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong năm công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển số tiền 497,9 triệu đồng để tăng vốn điều lệ.

- Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn: Công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

- Chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm: Công ty thực hiện tốt

- Tình hình thực hiện sản phẩm công ích dịch vụ: Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và cộng đồng, đồng thời vận động cán bộ công nhân viên ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai, quỹ vì người nghèo, ủng hộ phòng chống dịch bệnh Covid-19.

2. Bảo toàn vốn và phát triển vốn. (kèm theo biểu mẫu B06MS01)

a) Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu năm 2020 của công ty là: 11.370,8 trđ

+ Trong đó: Vốn điều lệ : 9.000 trđ

Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 2.370,8 trđ

Vốn chủ sở hữu năm 2021 của công ty là: 11.868,8 trđ

+ Trong đó: Vốn điều lệ : 9.000 trđ

Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 2.868,8 trđ

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{11.868,8 \text{ tr.đ}}{11.370,8 \text{ tr.đ}} = 1,0438$$

=> Theo quy định năm 2021 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

b) Tổng tài sản đến hết 31/12/2021: 25.120 trđ

c) Lợi nhuận sau thuế : 1.659,9 trđ

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{1.659,9 \text{ tr.đ}}{11.868,8 \text{ tr.đ}} = 13,99 \%$$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{1.659,9 \text{ trđ}}{25.120 \text{ trđ}} = 6,6 \%$$

3. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

3.1. Đầu tư dự án (kèm theo biểu mẫu 02A)

Công ty thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phòng xô số kiến thiết 2 huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa, 02 dự án đang trong bước hoàn thiện thủ tục giao đất để lập quy hoạch chi tiết thu hồi giải phóng mặt bằng.

3.2. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo biểu mẫu 02B)

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

3.3. Huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

3.4. Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

a) Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tổng tài sản đầu năm là 25,4 tỷ đồng, tổng tài sản đến 31/12/2021 năm 2021 đạt 25,1 tỷ

đồng, giảm trên 1,43% do trong 6 tháng đầu năm 2021 công ty chi trả tiền lương còn lại năm 2020.

b) Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ từ năm 2014. Tình hình quản lý nợ: các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

c) Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 295,05 trđ;

+ Trong đó:

+ Phải thu của khách hàng (TK 131): 120,7 trđ (Số công nợ phải thu các loại vé xổ số thời điểm 31/12/2021 của Tổng đại lý xổ số có sổ tiết kiệm thế chấp tại công ty theo đúng quy định và tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên và đại lý xổ số)

+ Phải thu khác (TK 138): 115,1 trđ là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 31/12/2021.

+ Tạm ứng (TK141): 58,8 trđ (Số tiền tạm ứng để phục vụ công tác trả thưởng tại công ty, tiền tạm ứng mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác phát hàng xổ số tại công ty)

+ Phải trả, phải nộp khác: 0,45 trđ.

d) Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải trả là : 13.251,5 trđ

+ Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 12.579,5 trđ

- Nợ dài hạn: 672 trđ

Trong tổng số nợ phải trả số tiền dự phòng rủi ro trả thưởng 7.204,5 trđ chiếm 54,3%; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tháng 12 năm 2021 là 1.536,2 trđ chiếm 11,6%; Người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 1.261,4 trđ chiếm 9,5%; Phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền bắc) là 1.070,7 trđ chiếm 8%; Quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.025 trđ chiếm 7,7%. Nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 672 trđ chiếm 5%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát tài chính của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{14.722,5 \text{ trđ}}{12.579,5 \text{ trđ}} = 1,17$$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{13.251,5 \text{ trđ}}{11.868,8 \text{ trđ}} = 1,11$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

4. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

4.1. Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
Xổ số Bốc 5.000đ	Vé	330.000	500.000	530.000	300.000
Xổ số Bốc 10.000đ	Vé		200.000		
XS Cặp số 10.000đ	Vé	169.200	100.000	112.900	156.300
XS Cặp số 20.000đ	Vé	303.950	1.000.000	724.500	579.450
XS Cặp số 50.000đ	Vé	124.540	100.000	126.420	98.120
XS Lô tô 5.000đ	Vé	666.900	1.100.000	1.043.700	723.200
XS Lô tô 10.000đ	Vé	798.500	2.600.000	2.389.500	1.009.000
XS Lô tô 20.000đ	Vé	343.000	1.100.000	734.900	708.100
XS Lô tô 50.000đ	Vé	905.720		95.540	810.180
XSKT 10.000đ	Vé	520.000	6.188.100	6.110.100	598.000
XSKT 20.000đ	Vé		77.300	77.300	
Tổng cộng	Vé	4.161.810	12.965.400	11.944.860	4.982.350

4.2. Chỉ tiêu tài chính:

a) Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của công ty được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 24/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quy chế quản lý tài chính do công ty ban hành.

Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021, công ty đạt 62.904,5 trđ tăng 101,8% so với cùng kỳ thực hiện năm 2020, bằng 94,17% so với kế hoạch giao.

b) Về chi phí Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn công ty, tất cả các khoản chi

đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Thực hiện năm 2021 của Công ty:

- Chi phí HĐSXKD: 49.859,4 trđ
- Chi phí hoạt động tài chính: 0 trđ
- Chi phí khác: 103,6 trđ

4.3. Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

$$\text{ROE} = \frac{1.659,9 \text{ trđ}}{11.868,8 \text{ trđ}} = 13,99\%$$

$$\text{ROA} = \frac{1.659,9 \text{ trđ}}{25.120 \text{ trđ}} = 6,6\%$$

4.4. Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

a) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	- 939 trđ
+ Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác:	79.828 trđ
+ Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ:	- 5.636 trđ
+ Tiền chi trả cho người lao động:	- 5.374 trđ
+ Tiền chi nộp thuế TNDN:	- 120 trđ
+ Tiền thu khác cho HĐKD:	3.693 trđ
+ Tiền chi khác cho HĐKD:	- 73.329 trđ
b) Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:	678 trđ
+ Tiền chi xây dựng TSCĐ:	trđ
+ Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng:	trđ
+ Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác:	- 10.127 trđ
+ Tiền thu hồi đầu tư :	10.200 trđ
+ Tiền thu lãi cho vay:	606 trđ
c) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: không phát sinh)	
+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:	- 260 trđ
+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	2.491 trđ
+ Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	2.230 trđ

Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và thu khác trong năm là 79.828 trđ, tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ là - 5.636 trđ, tiền chi trả cho người lao động - 5.374 trđ, tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp - 120 trđ, tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 3.693 trđ và các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là - 73.329 trđ; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là - 939 trđ.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: phát sinh các khoản chi phục vụ cho hoạt động đầu tư là 678 trđ, tiền chi góp vốn vào đơn vị khác là - 10.127 trđ, thu

hồi đầu tư là 10.200 trđ, thu lãi cho vay 606 trđ; Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư 678 trđ

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính: trong năm không có phát sinh.

Dòng tiền doanh nghiệp tạo ra đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn. Dự đoán về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán tiếp theo và trong tương lai đảm bảo cân đối giữa dòng tiền tạo ra và nhu cầu chi phí cho các hoạt động của doanh nghiệp. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ là: - 260 trđ chủ yếu là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là - 10.127 trđ (các khoản tiền gửi tiết kiệm đầu tư tài chính).

Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo: lượng tiền mặt mà doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty như: Nộp thuế, thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp dịch vụ, chi trả thưởng các loại hình xổ số (xổ số truyền thống, xổ số bốc, xổ số lô tô), chi trả tiền lương, tiền công, hoa hồng xổ số... và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT ... cho người lao động theo quy định.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Công ty thực hiện đúng quy định.

6. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật.

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm đúng quy định, nộp báo cáo Tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác đúng quy định.

7. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các ý kiến của kiểm toán độc lập, kiểm soát viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Báo cáo kèm theo các mẫu biểu số 02.C; 02.D; 05.A; 05.B; 02.A và B06MS01)

Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh: | (Báo cáo)
- Sở Tài Chính: |
- Kiểm soát viên;
- Lãnh đạo công ty;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
			(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)	
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1 Sản lượng SXSP chủ yếu							
2 Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3 Tồn kho cuối kỳ							
B Chỉ tiêu tài chính							
1 DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.278	71.031	76.818	72.339	89,0%	102%	94%
2 Giá vốn hàng bán							
3 LN gộp BH và cung cấp DV	13.556	12.226		13.045	96%	107%	
4 Doanh thu hoạt động tài chính	707	725		606	86%	84%	
5 Chi phí tài chính							
6 Chi phí bán hàng							
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.262	11.121		11.628	113%	105%	
8 LN thuần từ hoạt động KD	4.001	1.830	-	2.023	51%	111%	
9 Thu nhập khác	2,70	60,2		27	1000%	45%	
10 Chi phí khác	11,50	4,6		103,6	901%	2252%	
11 Lợi nhuận khác	(8,80)	55,6	-	(76,6)	-870%	-138%	
12 Tổng LN kế toán trước thuế	3.992	1.886	2.070	1.946	49%	103%	94%
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	800	271	414	287	36%	106%	69%
14 Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15 Lợi nhuận sau thuế DN	3.192	1.615	1.656	1.659	52%	103%	100,2%

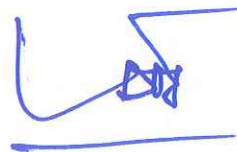
Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Lập biểu



Lương Việt Hân

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

ĐVT: đồng

TT	Chi tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển kỳ tiếp theo
1	Thuế	836.674.542	17.444.514.573	17.256.122.558	1.025.066.557
+	Thuế GTGT	611.414.531	7.244.634.845	7.218.375.639	637.673.737
+	Thuế TTDB	806.114.822	9.435.099.009	9.386.663.236	854.550.595
+	Thuế TNDN	(131.215.715)	287.096.593	120.000.000	35.880.878
+	Thuế TNCN	(449.639.096)	379.370.526	379.144.483	(449.413.053)
+	Thuế đất		98.313.600	151.939.200	(53.625.600)
2	Các khoản phải nộp khác	-	13.726.184	13.726.184	-
+	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		13.726.184	13.726.184	-
3	LN sau thuế còn lại sau khi trích lập + năm trước	119.884.793		110.432.765	9.452.028
4	Tổng cộng 4=1+2+3	956.559.335	17.458.240.757	17.380.281.507	1.034.518.585

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2021

ĐVT: đồng

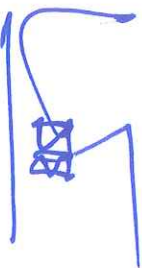
	Chi tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.370.850.662	497.977.925		2.868.828.587
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	736.507.096	912.690.727	775.422.076	873.775.747
3	Quỹ thường VCQLDN	130.672.470	138.825.000	118.194.559	151.302.911
4	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				-
5	Quỹ đặc thù khác nếu có (Dự phòng trả thưởng)	7.568.660.594		364.065.934	7.204.594.660
6	Tổng cộng 6=1+2+3+4+5	10.806.690.822	1.549.493.652	1.257.682.569	11.098.501.905

Người lập biểu



Lương Việt Hân

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng



DANH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

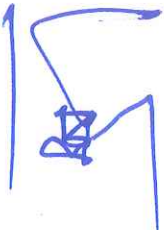
Chỉ tiêu 1		Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại doanh nghiệp					
Doanh thu (Triệu đồng)		LN sau thuế (Triệu đồng)	Vốn CSH bình quân (Triệu đồng)	Tỷ suất LN sau thuế/vốn (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn		Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Xếp loại						
KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (Tr.đồng)	Nợ NH (Tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)		Xếp loại						
76.818	72.339	-	1.656	1.659,9	11.370	11.868	14.30%	13,99%	-	14.722	12.579	1,17	-	-	-	A

Người lập biểu



Lương Việt Hân

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch



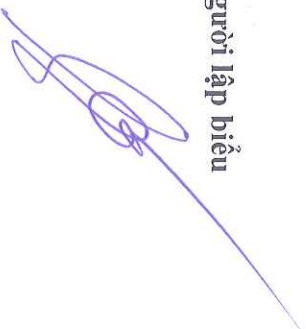
Nguyễn Phanh Tùng

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

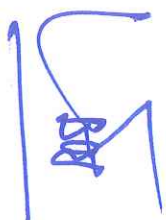
TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu		Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyền Quang	14,30%	13,99%	Xếp loại A	Thực hiện tốt	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Người lập biểu



Lương Việt Hân

Kế toán trưởng



Lê Sơn Đông

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch



Nguyễn Thanh Tùng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư						Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2021 (Triệu đồng)				Giải ngân đến ngày 31/12/2021 (Triệu đồng)	Thực hiện đến hết ngày 31/12	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	Thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%	Tổng số		Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				
A Các dự án nhóm A																						
B Các dự án nhóm B																						
C Các dự án khác																						
1	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	Hợp đồng số: 01/2021/HDXS-TVKSLQH về việc Tư vấn khảo, lập quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án đầu tư trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	351,5	351,5	100%			Trên 240 ngày					150,0	150,0		150,0	150,0					
Cộng			351,5	351,5	1,0							-	150,0	150,0	-	150,0	150,0					

GHI CHÚ: - Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án của chủ tịch Công ty vì số vốn đầu tư vào ít hơn 50% số vốn chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định đầu tư. Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Lập Biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Lương Việt Hân

Lê Sơn Đông

Nguyễn Phan Hùng



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 06MS01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2021

	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	11.370 tr.đ	11.868 tr.đ	1,044
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.000 tr.đ	9.000 tr.đ	
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.370 tr.đ	2.868 tr.đ	
3	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	
B	Tổng tài sản	25.450 tr.đ	25.120 tr.đ	
C	Lợi nhuận sau thuế	X	1.659,9 tr.đ	
D	Hiệu quả sử dụng vốn			
1	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	X	13,99%	X
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	X	6,61%	X

Lập biểu

Lương Việt Hàn

Kế toán trưởng

Lê Sơn Đông

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch

Nguyễn Thanh Tùng

